

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 960 /CTHADS-TCCB  
V/v bổ nhiệm và đề xuất nhu cầu tiếp nhận  
bổ sung CHVSC năm 2022

Tây Ninh, ngày 26 tháng 6 năm 2023

Kính gửi:

- Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã và thành phố;
- Trưởng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THA thuộc Cục.

Ngày 20/6/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1069/QĐ-BTP về việc công nhận kết quả kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp năm 2022; Tổng cục Thi hành án dân sự có Công văn số 2045/TCTHADS-TCCB ngày 21/6/2023 về việc bổ nhiệm và đề xuất nhu cầu tiếp nhận bổ sung Chấp hành viên sơ cấp năm 2022, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thông báo kết quả kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp năm 2022 và yêu cầu Trưởng Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án thuộc Cục; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã, thành phố trực thuộc thực hiện một số nội dung sau:

1. Thông báo kết quả kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp năm 2022 đến các công chức dự thi thuộc thẩm quyền quản lý

*(Danh sách kết quả kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp năm 2022 được thông báo công khai tại mục “Thông báo” trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thi hành án dân sự, Cổng thông tin điện tử Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh và sẽ gửi vào hộp thư điện tử của Chi cục THADS huyện, thị xã, thành phố trực thuộc).*

2. Rà soát tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch Chấp hành viên sơ cấp; đánh giá việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước đối với những công chức đã trúng tuyển thuộc thẩm quyền quản lý, đặc biệt là từ khi nộp hồ sơ dự thi đến nay; lập danh sách công chức đủ điều kiện bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp.

*\* Lưu ý: những trường hợp đang trong thời gian kiểm tra có dấu hiệu vi phạm, xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, giải quyết tố cáo và bị điều tra thì chưa đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp cho đến khi có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền.*

Thủ trưởng các đơn vị có công chức trúng tuyển chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và chấp hành pháp luật của công chức được đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Gửi hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp về Cục THADS (qua phòng Tổ chức cán bộ) trước ngày 15/7/2023. Hồ sơ gồm:

3.1. Hồ sơ chung:

- Tờ trình đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp;
- Danh sách đề nghị bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp  
(Theo mẫu gửi kèm);

3.2. Hồ sơ cá nhân của công chức được đề nghị bổ nhiệm:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu do Bộ Nội vụ ban hành (lưu ý: lý lịch do Cục trưởng ký xác nhận);
- Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên cấp còn trong thời hạn quy định;
- Nhận xét, đánh giá nhận xét của lãnh đạo, cấp ủy cơ quan nơi công chức công tác;
- Bản kê khai tài sản  
(Theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ);
- Bản sao: Bằng Tốt nghiệp đại học (Cử nhân Luật); chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ THADS hoặc chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ THADS theo nội dung, chương trình của Bộ Tư pháp;
- Quyết định nâng lương gần nhất.

Trường hợp người đã được công nhận trúng tuyển nhưng không hoàn thiện đủ hồ sơ đúng thời hạn quy định để bổ nhiệm thì sẽ bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; Trưởng Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án nghiêm túc triển khai, thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên (để th/hiện);
- Tổng cục THADS (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Công TTĐT Cục THADS (đăng tin);
- Lưu: VT, TCCB.







**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN**  
**CHẤP HÀNH VIÊN SƠ CẤP NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1069 /QĐ-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tỉnh, thành phố	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Chức danh	Số báo danh	Điểm		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ				Trắc nghiệm pháp luật về THADS	Viết kỹ năng THADS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12
1	An Giang	Nguyễn Thị Vân		1989	Chi cục THADS huyện Chợ Mới	Thư ký THA	CHV-322	85	72	229	
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Thị Nga		1989	Chi cục THADS huyện Long Điền	Thư ký THA	CHV-326	100	79	258	
3	Bắc Giang	Nguyễn Thị Hoà		1991	Chi cục THADS huyện Sơn Động	Thư ký THA	CHV-003	97.5	80	257.5	
4	Bắc Giang	Nguyễn Thị Lan Hương		1992	Chi cục THADS thành phố Bắc Giang	Thư ký THA	CHV-004	97.5	69.5	236.5	
5	Bắc Giang	Nguyễn Văn Tiêu	1985		Chi cục THADS huyện Lục Nam	Thư ký THA	CHV-006	97.5	67.5	232.5	
6	Bắc Giang	Mai Thị Thanh Huyền		1990	Chi cục THADS huyện Lục Ngạn	Thư ký THA	CHV-005	100	64	228	
7	Bắc Giang	Nguyễn Thế Tuấn	1985		Chi cục THADS huyện Lục Ngạn	Thư ký THA	CHV-007	92.5	64.8	222.1	
8	Bắc Giang	Hoàng Thị Yến		1989	Chi cục THADS huyện Việt Yên	Thư ký THA	CHV-008	85	60.5	206	
9	Bắc Giang	Bùi Thế Hải	1990		Chi cục THADS huyện Yên Thế	Thư ký THA	CHV-002	92.5	54	200.5	
10	Bắc Giang	Vũ Tuấn Anh	1979		Chi cục THADS huyện Lạng Giang	Thư ký THA	CHV-001	82.5	50	182.5	
11	Bắc Kạn	Hoàng Văn Thủ	1980		Chi cục THADS huyện Na Rì	Thư ký THA	CHV-012	92.5	68	228.5	
12	Bắc Kạn	Lý Văn Vãn	1984		Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thẩm tra viên	CHV-014	87.5	60	207.5	
13	Bắc Kạn	Lục Văn Long	1980		Chi cục THADS huyện Chợ Đồn	Thư ký THA	CHV-010	75	66	207	
14	Bắc Kạn	Nguyễn Bình Phương	1983		Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn	Thư ký THA	CHV-011	85	60	205	
15	Bạc Liêu	Võ Văn Bằng	1988		Chi cục THADS huyện Đông Hải	Thư ký THA	CHV-335	92.5	63	218.5	
16	Bạc Liêu	Tô Ngọc Toàn	1991		Chi cục THADS huyện Đông Hải	Thư ký THA	CHV-340	87.5	61	209.5	
17	Bạc Liêu	Nguyễn Thanh Sang	1983		Chi cục THADS huyện Hòa Bình	Thư ký THA	CHV-339	82.5	54	190.5	
18	Bạc Liêu	Trần Bửu Ngân		1990	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký THA	CHV-338	85	50	185	
19	Bạc Liêu	Đậu Xuân Danh	1984		Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký THA	CHV-336	80	50	180	
20	Bắc Ninh	Đỗ Trường Giang	1987		Chi cục THADS thành phố Từ Sơn	Thư ký THA	CHV-016	95	66.5	228	
21	Bắc Ninh	Nghiêm Văn Hân	1985		Chi cục THADS thành phố Từ Sơn	Thư ký THA	CHV-017	92.5	59.5	211.5	
22	Bắc Ninh	Nguyễn Thanh Tùng	1991		Chi cục THADS huyện Tiên Du	Thư ký THA	CHV-019	92.5	50	192.5	
23	Bắc Ninh	Nguyễn Mạnh Hùng	1979		Chi cục THADS huyện Quế Võ	Thư ký THA	CHV-018	80	50.5	181	
24	Bến Tre	Lê Văn Nguyên	1985		Chi cục THADS huyện Giồng Trôm	Thư ký THA	CHV-351	87.5	76	239.5	

STT	Tỉnh, thành phố	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Chức danh	Số báo danh	Điểm		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ				Trắc nghiệm pháp luật về THADS	Viết kỹ năng THADS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12
25	Bến Tre	Nguyễn Thị Ngọc Hân		1992	Chi cục THADS huyện Ba Tri	Thư ký THA	CHV-345	87.5	72.5	232.5	
26	Bến Tre	Huỳnh Dân		1985	Chi cục THADS huyện Châu Thành	Thư ký THA	CHV-341	92.5	64	220.5	
27	Bến Tre	Trương Thị Mai Đăng		1986	Cục THADS tỉnh Bến Tre	Thư ký THA	CHV-342	87.5	66.5	220.5	
28	Bến Tre	Lê Thị Kim Luông		1992	Chi cục THADS huyện Bình Đại	Thư ký THA	CHV-350	90	64.5	219	
29	Bến Tre	Phan Văn Đồng	1985		Chi cục THADS huyện Mô Cây Nam	Thư ký THA	CHV-343	85	65	215	
30	Bến Tre	Nguyễn Hồng Phúc	1985		Chi cục THADS thành phố Bến Tre	Thư ký THA	CHV-352	85	64.5	214	
31	Bến Tre	Lê Thị Mai Trang		1983	Chi cục THADS huyện Thạnh Phú	Thư ký THA	CHV-353	77.5	67.5	212.5	
32	Bến Tre	Nguyễn Hữu Trí	1976		Chi cục THADS huyện Ba Tri	Thư ký THA	CHV-354	92.5	54	200.5	
33	Bến Tre	Dương Khải	1979		Chi cục THADS thành phố Bến Tre	Thư ký THA	CHV-346	87.5	54	195.5	
34	Bến Tre	Lê Thị Thùy Linh		1990	Chi cục THADS huyện Mô Cây Bắc	Thư ký THA	CHV-348	72.5	53.5	179.5	
35	Bình Định	Võ Thị Hiền		1984	Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn	Thư ký THA	CHV-361	95	73.5	242	
36	Bình Định	Phạm Minh Cảnh	1990		Chi cục THADS huyện An Lão	Thư ký THA	CHV-355	95	72	239	
37	Bình Định	Lê Trần Huân	1987		Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn	Thư ký THA	CHV-362	97.5	70	237.5	
38	Bình Định	Đào Văn Hà	1975		Chi cục THADS huyện Phù Cát	Thư ký THA	CHV-358	87.5	69.5	226.5	
39	Bình Định	Trần Huyền Vy		1992	Chi cục THADS huyện Phù Cát	Thư ký THA	CHV-370	85	64	213	
40	Bình Định	Hồ Xuân Trinh	1979		Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh	Thư ký THA	CHV-367	92.5	60	212.5	
41	Bình Định	Nguyễn Thị Mỹ		1977	Chi cục THADS huyện Tây Sơn	Thư ký THA	CHV-363	95	56.5	208	
42	Bình Dương	Phạm Xuân Tứ	1991		Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng	Thư ký THA	CHV-388	95	86	267	
43	Bình Dương	Nguyễn Thị Nhung		1993	Chi cục THADS thành phố Dĩ An	Thư ký THA	CHV-378	95	80	255	
44	Bình Dương	Trịnh Thị Hà		1989	Chi cục THADS TX.Bến Cát	Thư ký THA	CHV-372	95	75	245	
45	Bình Dương	Hồ Thị Ngạn		1990	Chi cục THADS TX.Bến Cát	Thư ký THA	CHV-377	97.5	71	239.5	
46	Bình Dương	Trịnh Thị Nga		1990	Cục THADS tỉnh Bình Dương	Thư ký THA	CHV-376	100	67	234	
47	Bình Dương	Nguyễn Thị Yến Thi		1987	Chi cục THADS thành phố.Thủ Dầu Một	Thư ký THA	CHV-384	95	69.5	234	
48	Bình Dương	Nguyễn Thanh Huỳnh	1986		Chi cục THADS TX.Tân Uyên	Thư ký THA	CHV-375	87.5	65	217.5	
49	Bình Dương	Nguyễn Thị Xuân		1989	Chi cục THADS thành phố.Thuận An	Thư ký THA	CHV-390	95	60	215	
50	Bình Dương	Lương Hồng Quang	1988		Cục THADS tỉnh Bình Dương	Thư ký THA	CHV-379	95	57.5	210	
51	Bình Dương	Đặng Thành Thái	1982		Chi cục THADS thành phố.Thủ Dầu Một	Thư ký THA	CHV-382	80	64	208	
52	Bình Dương	Vũ Đức Thiện	1979		Chi cục THADS thành phố.Dĩ An	Thư ký THA	CHV-385	87.5	58	203.5	
53	Bình Dương	Trần Thanh Sơn	1974		Chi cục THADS huyện Bàu Bàng	Thư ký THA	CHV-381	87.5	56.5	200.5	
54	Bình Dương	Nguyễn Thị Thuận		1981	Chi cục THADS thành phố.Dĩ An	Thư ký THA	CHV-386	85	57	199	



STT	Tỉnh, thành phố	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Chức danh	Số báo danh	Điểm		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ				Trắc nghiệm pháp luật về THADS	Viết kỹ năng THADS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12
356	Quảng Trị	Nguyễn Tuấn Liêm	1984		Chi cục THADS huyện Hải Lăng	Thư ký THA	CHV-245	90	71	232	
357	Quảng Trị	Nguyễn Cẩm Giang		1992	Văn Phòng Cục	Thư ký THA	CHV-240	90	70	230	
358	Sóc Trăng	Giang Hải Thuyền		1985	Chi cục THADS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-595	95	68	231	
359	Sóc Trăng	Nguyễn Hoàng Thương	1987		Chi cục THADS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-594	97.5	59	215.5	
360	Sóc Trăng	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		1988	Chi cục THADS huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Thẩm tra viên	CHV-583	95	57	209	
361	Sóc Trăng	Lê Thị Thu Hiền		1992	Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-585	95	53	201	
362	Sóc Trăng	Huỳnh Trung Sơn	1985		Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-590	85	58	201	
363	Sóc Trăng	Võ Thanh Bi	1987		Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-580	90	54.5	199	
364	Sóc Trăng	Trần Văn Giàu	1989		Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-584	95	52	199	
365	Sóc Trăng	Bùi Văn Thế	1983		Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký TIA	CHV-592	95	51	197	
366	Sóc Trăng	Huỳnh Bạch Đăng	1984		Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký THA	CHV-581	87.5	52.5	192.5	
367	Sóc Trăng	Ngô Minh Hiền	1989		Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-587	87.5	52	191.5	
368	Sóc Trăng	Trần Út Hiền	1981		Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-586	90	50	190	
369	Sóc Trăng	Huỳnh Thị Nhanh		1988	Chi cục THADS thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-589	87.5	50.3	188.1	
370	Sóc Trăng	Lâm Hữu Thuận	1984		Chi cục THADS huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-593	85	50	185	
371	Sóc Trăng	Lê Thị Hồng Thắm		1992	Chi cục THADS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Thư ký THA	CHV-591	80	50	180	
372	Sơn La	Đỗ Quang Huy	1990		Chi cục THADS huyện Mai Sơn	Thư ký THA	CHV-248	95	76	247	
373	Sơn La	Tòng Văn Học	1984		Chi cục THADS huyện Thuận Châu	Thư ký THA	CHV-246	92.5	73.5	239.5	
374	Sơn La	Thào A Thịnh	1989		Chi cục THADS huyện Mường La	Thư ký THA	CHV-252	82.5	77.5	237.5	
375	Sơn La	Sùng A Mua	1989		Chi cục THADS huyện Quỳnh Nai	Thư ký THA	CHV-250	87.5	64	215.5	
376	Sơn La	Lò Văn Huệ	1983		Chi cục THADS huyện Sông Mã	Thư ký THA	CHV-247	80	67	214	
377	Sơn La	Đỗ Duy Khánh	1991		Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký THA	CHV-249	90	62	214	
378	Sơn La	Lò Toàn Thắng	1989		Chi cục THADS huyện Mai Sơn	Thư ký THA	CHV-251	87.5	51	189.5	
379	Tây Ninh	Trần Hồng Thắm		1981	Chi cục THADS Châu Thành	Thư ký THA	CHV-616	90	73.5	237	
380	Tây Ninh	Nguyễn Thị Hạnh		1982	Chi cục THADS thành phố Tây Ninh	Thư ký THA	CHV-602	95	65	225	



STT	Tỉnh, thành phố	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Chức danh	Số báo danh	Điểm		Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ				Trắc nghiệm pháp luật về THADS	Viết kỹ năng THADS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12
381	Tây Ninh	Trần Thanh Giàu	1983		Chi cục THADS Tân Biên	Thẩm tra viên	CHV-601	90	67	224	
382	Tây Ninh	Dương Trúc Dân	1973		Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký THA	CHV-598	100	60.5	221	
383	Tây Ninh	Lý Thế Thanh	1982		Chi cục THADS Gò Dầu	Thư ký THA	CHV-617	95	62.5	220	
384	Tây Ninh	Lê Thị Thiên Thu		1988	Chi cục THADS huyện Dương Minh Châu	Thư ký THA	CHV-619	90	61.5	213	
385	Tây Ninh	Phạm Thị Thu Yên		1988	Chi cục THADS huyện Dương Minh Châu	Thư ký THA	CHV-621	85	64	213	
386	Tây Ninh	Võ Thành Thái	1990		Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành	Thư ký THA	CHV-615	97.5	57.5	212.5	
387	Tây Ninh	Nguyễn Duy Tân	1985		Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	Thư ký THA	CHV-614	92.5	56.5	205.5	
388	Tây Ninh	Lâm Hồng Phương	1974		Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	Thư ký THA	CHV-612	85	59.5	204	
389	Tây Ninh	Nguyễn Vũ Thanh	1987		Chi cục THADS Châu Thành	Thư ký THA	CHV-618	85	56.8	198.6	
390	Tây Ninh	Nguyễn Thị Hương		1990	Chi cục THADS Gò Dầu	Thư ký THA	CHV-606	95	51.5	198	
391	Tây Ninh	Trần Thị Thanh Hiền		1988	Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành	Thư ký THA	CHV-604	87.5	55	197.5	
392	Tây Ninh	Lý Công Hào	1991		Chi cục THADS Tân Biên	Thư ký THA	CHV-603	90	53	196	
393	Tây Ninh	Trần Thành Nam	1981		Chi cục THADS Châu Thành	Thư ký THA	CHV-610	90	52.5	195	
394	Tây Ninh	Trần Thị Thuý An		1985	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký THA	CHV-596	92.5	51	194.5	
395	Tây Ninh	Phạm Hoàng Sang	1985		Chi cục THADS Bến Cầu	Thư ký THA	CHV-613	92.5	50	192.5	
396	Tây Ninh	Nguyễn Thị Ngọc Huệ		1988	Chi cục THADS huyện Dương Minh Châu	Thư ký THA	CHV-605	87.5	50.3	188.1	
397	Tây Ninh	Trần Văn Chính	1975		Chi cục THADS Bến Cầu	Thư ký THA	CHV-597	82.5	50	182.5	
398	Tây Ninh	Huỳnh Thanh Đông	1970		Chi cục THADS Tân Châu	Thư ký THA	CHV-599	82.5	50	182.5	
399	Tây Ninh	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền		1991	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	Thư ký THA	CHV-620	62.5	53.5	169.5	
400	Thái Bình	Nguyễn Xuân Vũ	1984		Chi cục THADS huyện Thái Thụy	Thư ký THA	CHV-253	77.5	56	189.5	
401	Thái Nguyên	Đông Thị Thanh Duyên		1989	Chi cục THADS thành phố Sông Công	Thẩm tra viên	CHV-255	92.5	70	232.5	
402	Thái Nguyên	Nguyễn Thị Hồng Nhung		1986	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	Thư ký THA	CHV-261	95	60.5	216	
403	Thái Nguyên	Dương Viết Luân	1977		Chi cục THADS huyện Phú Bình	Thư ký THA	CHV-260	90	58.5	207	
404	Thái Nguyên	Nguyễn Thị Bích Hường		1988	Chi cục THADS huyện Phú Bình	Thư ký THA	CHV-257	92.5	55	202.5	
405	Thanh Hóa	Phạm Thị Ngân		1989	Chi cục THADS huyện Hà Trung	Thư ký THA	CHV-274	92.5	78	248.5	
406	Thanh Hóa	Lục Đình Nhân	1986		Chi cục THADS huyện Quan Sơn	Thư ký THA	CHV-276	95	71.5	238	
407	Thanh Hóa	Nguyễn Thị Liên		1993	Chi cục THADS huyện Thạch Thành	Thư ký THA	CHV-272	95	70.5	236	
408	Thanh Hóa	Lê Thị Loan		1989	Chi cục THADS huyện Như Thanh	Thư ký THA	CHV-273	97.5	67.5	232.5	

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM CHẤP HÀNH VIÊN SƠ CẤP NĂM 2022**

(kèm theo Tờ trình số /TTr-THADS-TCCB ngày /2023 về việc đề nghị bỏ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp cơ quan thi hành án dân sự tỉnh.....)

Số TT	Họ và tên công chức	Năm sinh		Chức danh hiện tại	Đơn vị công tác hiện tại	Đơn vị công tác dự kiến sau bổ nhiệm	Tỉnh, thành phố	Hệ số lương hiện tại			Đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn ngạch CHVSC (theo Điều 18 Luật THADS và Điều 57 Nghị định 62/2015/NĐ-CP)
		Nam	Nữ					Hệ số	Bậc	Ngày bắt đầu hưởng hệ số lương hiện tại	
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nguyễn Văn A	1980		Thư ký thi hành án	Chi cục huyện.....	Cục Thi hành án dân sự	An Giang	3.00	3	15/6/2016	Đủ điều kiện
2	Trần Thị B		1976	Thẩm tra viên	Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh Hóa	3.66	5	17/02/2017	Không đủ điều kiện, do mới bị kỷ luật (tháng 10/2018)

....., ngày ....., Tháng ....., năm 2020

**CỤC TRƯỞNG**

Đề nghị điền cột 3 (Họ và tên công chức) theo đúng số thứ tự danh sách công chức trúng tuyển và theo đúng mẫu trên

